

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ; đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 102/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2115/STC-QLNS ngày 20 tháng 10 năm 2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2011 của UBND thành phố về việc Ban hành Quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng.

**Điều 3.** Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện Quy định ban hành kèm Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thơ**

## QUY ĐỊNH

Việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố  
tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đà Nẵng  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2015/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 11 năm 2015 của UBND thành phố Đà Nẵng)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý, sử dụng vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Chi nhánh NHCSXH) để cho vay hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nhằm thực hiện mục tiêu giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội của thành phố.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác của ngân sách thành phố tại Chi nhánh NHCSXH.
- Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ tiết kiệm và vay vốn.
- Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, an sinh xã hội.

#### Điều 3. Nguyên tắc cho vay

- Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và điều kiện vay vốn theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Quyết định này.
- Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.
- Chi nhánh NHCSXH và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được vay vốn.
- Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách thành phố không đúng mục đích. Cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

### Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 4. Nguồn vốn cho vay

Hàng năm, trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển vốn ngân sách thành phố đã bố trí dự toán để

ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH thực hiện cho vay theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 5. Đối tượng vay vốn**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn địa phương và hộ đã thoát nghèo nhưng cần có thêm 03 năm liên tiếp để ổn định và thoát nghèo bền vững.
2. Hộ gia đình bị thu hồi đất do di dời, giải tỏa trên địa bàn thành phố.
3. Hộ gia đình có thành viên đã chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống, đã thực sự cải tạo tiến bộ, có ý thức rõ ràng trong việc quyết tâm hoàn lương, có hoàn cảnh gia đình khó khăn và có nhu cầu vay vốn nhằm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng (gọi tắt là đối tượng hoàn lương).
4. Đối tượng chính sách khác theo quyết định của UBND thành phố Đà Nẵng.

### **Điều 6. Điều kiện được vay vốn**

1. Đối với các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 5
  - a) Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.
  - b) Phải có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ đặc biệt nghèo, hộ cận nghèo và hộ đã thoát nghèo nhưng cần có thêm 03 năm liên tiếp để ổn định và thoát nghèo bền vững ở xã, phường nơi cư trú.
2. Đối với đối tượng thuộc khoản 2 Điều 5
  - a) Cư trú hợp pháp tại địa phương sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.
  - b) Có xác nhận của UBND phường, xã đối với hộ bị di dời giải tỏa về việc hộ gia đình bị di dời, giải tỏa trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn.
  - c) Có bản sao một trong các giấy tờ sau để chứng minh là hộ bị thu hồi đất do giải tỏa:
    - Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền;
    - Biên bản bàn giao mặt bằng có xác nhận của UBND xã, phường, đơn vị chi trả đền bù.
3. Đối với đối tượng hoàn lương: thực hiện theo Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.
4. Chủ tịch UBND thành phố có quy định cụ thể đối với các đối tượng khác theo khoản 4 Điều 5,

### **Điều 7. Cơ chế cho vay**

1. Đối với đối tượng vay thuộc khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 thực hiện theo các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội, trong đó cụ thể mức cho vay như sau:

a) Đối với các đối tượng thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 5: Mức cho vay tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ gia đình.

b) Đối với đối tượng thuộc khoản 3, khoản 4 Điều 5: thực hiện theo các quyết định của Chủ tịch UBND thành phố.

2. Lãi suất cho vay, quy trình, hồ sơ thủ tục và thời hạn cho vay thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với đối tượng chính sách khác, căn cứ vào các quy định của pháp luật và các hướng dẫn cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định để áp dụng cho phù hợp.

### **Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro**

#### 1. Phạm vi xử lý nợ bị rủi ro

a) Người vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan gây ra như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chính sách nhà nước thay đổi,...được giải quyết rủi ro theo quy định hiện hành.

b) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân chủ quan của tổ chức, cá nhân vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương thì tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Nguyên tắc, biện pháp xử lý nợ, thời điểm xem xét xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro

a) Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, các Bộ ngành có liên quan về cơ chế xử lý nợ rủi ro và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài các cơ chế này, Chi nhánh NHCSXH chủ trì phối hợp với đơn vị liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định.

#### 3. Thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro

a) Giám đốc Chi nhánh NHCSXH nơi cho vay quyết định đối với việc gia hạn nợ; tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý khoanh nợ, xóa nợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Ban đại diện Hội đồng Quản trị Chi nhánh NHCSXH quyết định việc khoanh nợ, xóa nợ cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ không vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Chủ tịch UBND thành phố quyết định việc xóa nợ gốc và lãi cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

#### 4. Trình tự thực hiện xử lý nợ bị rủi ro

a) Đối tượng vay có trách nhiệm làm đơn và hồ sơ xử lý nợ theo quy định hiện hành của Chi nhánh NHCSXH gửi đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi vay vốn. Ngân hàng Chính sách xã hội nơi vay vốn kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ do khách hàng gửi; phối hợp với Tổ trưởng tổ tiết kiệm và vay vốn, lãnh đạo tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác cấp xã, phường, chủ tịch UBND xã, phường nơi khách hàng cư trú, xác nhận của cơ quan chuyên ngành cấp xã, phường (nếu có) như: cơ quan phòng chống bão lụt, thú y để thẩm định, lập biên bản xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản; tổng hợp hồ sơ xử lý nợ báo cáo Chi nhánh NHCSXH.

b) Chi nhánh NHCSXH kiểm tra, xác nhận mức độ rủi ro; xác nhận tính chính xác, tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị xử lý nợ của đối tượng; tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý nợ bị rủi ro báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh NHCSXH xem xét quyết định.

c) Trường hợp đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, trên cơ sở Nghị quyết của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố, Chi nhánh NHCSXH có văn bản kèm hồ sơ liên quan về đề nghị xử lý xóa nợ gốc, lãi vay gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp đơn vị có trách nhiệm quản lý đối tượng vay vốn để thẩm tra, báo cáo Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định.

d) Căn cứ Quyết định xử lý nợ bị rủi ro của cấp có thẩm quyền, Chi nhánh NHCSXH tổ chức thực hiện.

#### 5. Nguồn vốn xử lý rủi ro

Nguồn vốn để xóa nợ gốc, lãi cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích lập và bù đắp theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Chi nhánh NHCSXH phối hợp Sở Tài chính báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### **Điều 9. Phân phối và sử dụng tiền lãi cho vay**

Lãi thu được từ dư nợ cho vay (lãi suất cho vay trên tổng số dư có thu được lãi) được quy thành 100% và được phân bổ như sau:

1. Trích 73% cho Chi nhánh NHCSXH để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 15 Quy định này và các công việc sau:

a) Chi trả hoa hồng cho Tổ tiết kiệm và vay vốn (nhóm vay vốn), chi trả phí ủy thác cho tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác cho vay theo mức chi quy định hiện hành của NHCSXH và để bù đắp một phần chi phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH (gồm các khoản chi về dịch vụ thanh toán, ngân quỹ, chi hoạt động quản lý và công vụ,...). Trường hợp cho vay không thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức hội, đoàn thể thì khoản chi này được chi cho cơ quan quản lý đối tượng vay vốn.

b) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trích 12% cho các cơ quan quản lý đối tượng theo từng chương trình cho vay để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 14 Quy định này.

a) Cơ quan quản lý đối tượng vay vốn có trách nhiệm chi trả cho cán bộ xã, phường hoặc cán bộ cơ sở tham gia hệ thống quản lý đối tượng vay vốn. Riêng Sở Lao động – Thương binh và xã hội chịu trách nhiệm chi trợ cấp hàng tháng cho Trưởng ban giảm nghèo các phường, xã với mức 150.000đ/người/tháng.

b) Các khoản chi tại khoản 2 Điều này do Thủ trưởng cơ quan quản lý đối tượng vay vốn quyết định theo quy định hiện hành.

3. Trích 15% cho Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố để chi các nội dung sau:

a) Hỗ trợ các lực lượng phối hợp xử lý các tình huống: truy tìm hộ vay đi khỏi địa phương, xử lý nợ xấu, khởi kiện hộ chây ỳ và các khoản chi khác vượt thẩm quyền hoặc khả năng đảm bảo của Chi nhánh NHCSXH và các đơn vị quản lý đối tượng vay vốn

b) Hỗ trợ thêm cho các cơ quan quản lý đối tượng vay vốn các chương trình cho vay có tổng dư nợ dưới 10 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ mua sắm cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho Chi nhánh NHCSXH và các đơn vị trực thuộc, đơn vị có liên quan.

d) Chi hội họp, tập huấn, sơ kết, tổng kết; chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác tín dụng chính sách,...

Nội dung chi và mức chi do Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố quyết định trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH.

### **Điều 10. Thời gian và phương thức ủy thác**

Căn cứ dự toán được bố trí trong năm và khả năng cân đối ngân sách từng quý và trên cơ sở nhu cầu theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH.

### **Điều 11. Thu hồi vốn ủy thác**

Khi xét thấy cần thiết phải thu hồi nguồn vốn đã ủy thác, Ủy ban nhân dân thành phố có quyết định, Chi nhánh NHCSXH thực hiện thu hồi vốn vay đến hạn (không tiếp tục cho vay từ nguồn vốn ủy thác) để chuyển trả cho ngân sách thành phố cho đến khi thu hồi hết vốn ủy thác.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

1. Tham mưu UBND thành phố chuyển vốn uỷ thác cho Chi nhánh NHCSXH trên cơ sở dự toán ngân sách hàng năm đã được HĐND thành phố phê duyệt và kế hoạch sử dụng vốn của Chi nhánh NHCSXH.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, báo cáo đề xuất Chủ tịch UBND thành phố xem xét quyết định xoá nợ gốc, lãi đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư quỹ dự phòng rủi ro.

3. Kiểm tra, giám sát Chi nhánh NHCSXH quản lý, sử dụng vốn ngân sách thành phố uỷ thác cho ngân hàng theo đúng quy định.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng kế hoạch bố trí nguồn vốn uỷ thác từ Ngân sách thành phố hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

**Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị quản lý đối tượng vay vốn** (Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Công an thành phố, Công đoàn viên chức thành phố và các đơn vị khác tùy theo từng chương trình cho vay cụ thể và do Chủ tịch UBND thành phố quyết định)

1. Khảo sát, xác định đối tượng, nhu cầu vay vốn, xây dựng kế hoạch cho vay hàng năm theo từng chương trình cho vay.

2. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả cho vay và phối hợp xử lý, thu hồi nợ đối với các đối tượng quy định tại Quyết định này.

3. Chủ trì phối hợp với Chi nhánh NHCSXH và các sở, ngành liên quan:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay vốn uỷ thác từ ngân sách thành phố; phúc tra, lập thủ tục xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

b) Kiểm tra tình hình và kết quả thực hiện cho vay vốn uỷ thác từ Ngân sách thành phố. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trên cơ sở tiền lãi cho vay được phân bổ tại Điều 9 Quy định này, cuối năm các đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổng hợp chung báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động hàng năm của đơn vị, địa phương.

### **Điều 15. Trách nhiệm của Chi nhánh NHCSXH**

1. Quản lý và sử dụng nguồn vốn uỷ thác, nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định nêu trên; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng, không để vốn tồn đọng.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ; thẩm định hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định từng chương trình cho vay.



4. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

5. Hàng tháng, thực hiện phân phối tiền lãi theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

6. Tổng hợp báo cáo định kỳ tháng, quý, 6 tháng và hàng năm cho Ban đại diện Hội đồng Quản trị, Sở Tài chính và các ngành có liên quan về tình hình sử dụng vốn, phân phối, sử dụng lãi cho vay và Quỹ dự phòng rủi ro.

7. Tham mưu, báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH thành phố quyết định các khoản chi tại khoản 7 Điều 9 Quyết định này.

8. Hàng năm, tham mưu UBND thành phố tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện cho vay các chương trình tín dụng từ nguồn vốn ủy thác của thành phố.

### **Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận, huyện**

1. Quyết định phê duyệt dự án chương trình cho vay Giải quyết việc làm và các chương trình tín dụng khác theo quy định; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính hiệu quả của dự án vay vốn.

2. Phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm để làm cơ sở Chi nhánh NHCSXH cho vay đúng đối tượng

3. Chỉ đạo các cơ quan, ban ngành liên quan và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

### **Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, xã**

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và hội, đoàn thể ở địa phương để thực hiện việc xét, xác định đối tượng cho vay, xây dựng kế hoạch tín dụng hàng năm đối với từng đối tượng tại địa phương. Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo trình Chủ tịch UBND quận, huyện phê duyệt để làm cơ sở vay vốn.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận hồ sơ vay vốn: đối tượng và điều kiện vay vốn theo quyết định cho vay từng chương trình của UBND thành phố.

a) Đối với các đối tượng thuộc khoản 1 Điều 5: UBND xã, phường xác nhận vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn, nội dung xác nhận hộ xin vay thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo hoặc hộ đã thoát nghèo theo quy định.

b) Đối với các đối tượng thuộc khoản 2 Điều 5: UBND xã, phường xác nhận vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn, nội dung xác nhận hộ gia đình bị di dời, giải tỏa có nhu cầu vay vốn.

c) Đối với các đối tượng thuộc khoản 3 Điều 5: UBND xã, phường xác nhận vào danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn, nội dung xác nhận gồm: các hộ gia đình có thành viên đã hoàn lương, đang cư trú hợp pháp tại xã, chấp hành tốt các quy định của pháp luật tại địa phương, không mắc các tệ nạn xã hội.

d) Đối với đối tượng khác theo khoản 4 Điều 5, nội dung xác nhận do Chủ tịch UBND thành phố quy định cụ thể.

3. Phối hợp với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội quận, huyện; các hội, đoàn thể, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai cho vay, kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ; hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

### **Điều 18. Các hội, đoàn thể**

1. Tuyên truyền đến người dân; thành lập, hướng dẫn Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay.

2. Tổ chức giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và Hợp đồng uỷ thác cho vay đã ký với Chi nhánh NHCSXH.

**Điều 19.** Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc thì các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính, Sở đơn vị quản lý đối tượng vay vốn để phối hợp nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Đức Thơ**